

Bản án số: 42/2025/HNGĐ - ST

Ngày 30/9/2025.

(V/v: Tranh chấp về hôn nhân và gia đình)

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - NINH BÌNH**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* ông Đinh Xuân Tường.

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Văn Phiếu.

2. Ông Bùi Khắc Thái.

Thư ký phiên tòa: ông Đoàn Thanh Minh - Thư ký Toà án nhân dân Khu vực 3- Ninh Bình.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 3 - Ninh Bình tham gia phiên tòa: bà Hoàng Thị Thu Lan - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2025, tại Trụ sở Toà án nhân dân Khu vực 3 - Ninh Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 14/2025/TLST- HNGĐ, ngày 17 tháng 7 năm 2025 về việc: “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình*”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 30/2025/QĐXXST- HNGĐ, ngày 08 tháng 9 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 21/2025/QĐST - HNGĐ, ngày 24 tháng 9 năm 2025 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** chị Trần Thị M, sinh năm 1991; Nơi cư trú: thôn Đ, xã Đ, tỉnh Ninh Bình.

- **Bị đơn:** anh Cao Thái S, sinh năm 1981; Nơi cư trú: thôn L, xã G, tỉnh Ninh Bình.

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa, bị đơn vắng mặt lần 2 không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện ngày 17 tháng 7 năm 2025 và bản tự khai, nguyên đơn chị Trần Thị M trình bày: tôi và anh Cao Thái S được tự do tìm hiểu và tự nguyện đi đến kết hôn với nhau, có đăng ký kết hôn hợp pháp tại UBND xã G, huyện N, tỉnh Ninh Bình vào ngày 19/5/2014. Sau khi kết hôn chúng tôi chung sống cùng gia đình anh S tại thôn L, xã G, huyện N, tỉnh Ninh Bình (nay là xã G, tỉnh Ninh Bình) Vợ chồng chung sống

hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng với nhau về quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung với nhau nên thường xuyên xảy ra va chạm cãi chửi nhau. Đến khoảng đầu năm 2016, mâu thuẫn vợ chồng đã trở nên trầm trọng nên tôi đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ tại thôn Đ, xã Đ, tỉnh Ninh Bình để sinh sống từ đó tới nay không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau nữa. Nay tôi xác định mâu thuẫn vợ chồng tôi đã đến mức thật sự trầm trọng không thể khắc phục được, tình cảm vợ chồng không còn nên tôi đề nghị Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với anh Cao Thái S. Về con chung: chúng tôi có một con chung là cháu Cao Thanh H, sinh ngày 12/01/2016, hiện cháu H đang ở cùng với tôi. Khi ly hôn tôi đề nghị được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng cháu H và không yêu cầu anh S phải cấp dưỡng nuôi con chung cho tôi. Về tài sản và công nợ chung: tôi không đề nghị Tòa án xem xét giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã thông báo hợp lệ các văn bản tố tụng và đã nhiều lần tổng đạt trực tiếp các loại văn bản tố tụng theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng anh Cao Thái S vẫn vắng mặt nên Tòa án không thể tiến hành hòa giải được.

Tại biên bản làm việc ngày 05/9/2025, ông Cao Văn C và bà Trần Thị T - là bố mẹ đẻ anh Cao Thái S cho biết: anh S, chị M được tự do tìm hiểu và kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn hợp pháp tại UBND xã G, huyện N, tỉnh Ninh Bình vào ngày 19/5/2014. Sau khi kết hôn, anh S, chị M sống cùng gia đình ông bà tại thôn L, xã G, huyện N (nay là xã G, tỉnh Ninh Bình). Anh S, chị M chung sống hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do hai vợ chồng bất đồng quan điểm sống nên xảy ra cãi chửi nhau, vợ chồng ông bà có khuyên bảo nhưng anh S, chị M vẫn không khắc phục được mâu thuẫn với nhau. Đầu năm 2016, chị M đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ tại thôn Đ, xã Đ, tỉnh Ninh Bình để sinh sống và cả hai sống ly thân từ đó tới nay. Ông, bà xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa anh S, chị M đến nay đã thật sự trầm trọng, cơ hội để vợ chồng đoàn tụ với nhau là rất thấp, việc ly hôn hay không do anh S, chị M tự quyết định. Về con chung: anh S, chị M có một con chung là cháu Cao Thanh H, sinh ngày 12/01/2016, hiện nay cháu H đang ở cùng với chị M. Từ khi còn bé tới nay, cháu H do chị M trực tiếp nuôi dưỡng, nay cháu H đã lớn nên việc chọn ở với ai khi bố mẹ ly hôn do cháu H tự quyết định.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 25/7/2025, cháu Cao Thanh H có nguyện vọng muốn được tiếp tục ở với chị M vì từ khi sinh ra tới nay cháu đều ở với mẹ.

Tại phiên toà bà Kiểm sát viên cũng đã có bài phát biểu khẳng định quá trình giải quyết vụ án: Về mặt tố tụng Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã xác định đúng, đầy đủ những người tham gia tố tụng, tuân thủ đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, không có vi phạm thủ tục tố tụng dân sự. Về nội dung bà Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ: Khoản 4 Điều 147; khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227, các khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56, các Điều 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, đề nghị: xử cho chị Trần Thị M được ly hôn với anh Cao Thái S; về con chung đề nghị giao cháu Cao Thanh H cho chị Trần Thị M tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu H đủ 18 tuổi. Anh Cao Thái S không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng với chị M. Không ai được ngăn cản quyền gặp gỡ và chăm sóc con chung; về án phí: chị Trần Thị M phải nộp án phí sơ thẩm ly hôn là 300.000 đồng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị M đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, trên cơ sở xem xét toàn diện ý kiến của các đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn anh Cao Thái S có địa chỉ tại thôn L, xã G, tỉnh Ninh Bình. Vì vậy việc Tòa án nhân dân Khu vực 3 - Ninh Bình áp dụng Điều 28; khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự để thụ lý giải quyết vụ án là đúng quy định của pháp luật. Bị đơn vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa không có lý do chính đáng dù đã được triệu tập hợp lệ nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử là đúng quy định của pháp luật.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa chị Trần Thị M và anh Cao Thái S là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Sau khi kết hôn hai người chung sống với nhau tại thôn L, xã G, huyện N, tỉnh Ninh Bình (nay là xã G, tỉnh Ninh Bình). Vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng về quan điểm sống, đến đầu năm 2016, chị M đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ tại thôn Đ, xã Đ, tỉnh Ninh Bình để sinh sống và cả hai sống ly thân với nhau từ đó tới nay không còn quan tâm, quan hệ với nhau nữa. Chị M khẳng định hiện nay mâu thuẫn vợ chồng chị đã đến mức thật sự trầm trọng không khắc phục được, chị không còn yêu thương anh S nữa. Bản thân anh S không có mặt tại Tòa án để làm việc, trong khi anh S vẫn đang sinh sống tại thôn L, xã G, tỉnh Ninh Bình, dù được Tòa án tổng đạt

hợp lệ các văn bản tố tụng theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Điều đó chứng tỏ anh S không có thiện chí hàn gắn quan hệ vợ chồng. Do đó có căn cứ xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Trần Thị M và anh Cao Thái S đã trở nên trầm trọng, không thể tiếp tục duy trì cuộc sống chung, mục đích hôn nhân không đạt được, vì vậy cần chấp nhận yêu cầu của chị M. Xử cho chị Trần Thị M được ly hôn với anh Cao Thái S là phù hợp với quy định của pháp luật.

[3] Về con chung: Chị Trần Thị M và anh Cao Thái S có một con chung là cháu Cao Thanh H, sinh ngày 12/01/2016, hiện cháu H đang ở cùng với chị M. Do cháu H từ khi sinh ra tới nay đều do một mình chị M trực tiếp nuôi dưỡng và đang có cuộc sống ổn định, nguyện vọng của cháu H muốn được ở với chị M. Do đó, để đảm bảo cuộc sống ổn định cho cháu Cao Thanh H nên cần giao cháu H cho chị Trần Thị M tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu H đủ 18 tuổi. Do chị M không yêu cầu anh S phải cấp dưỡng nuôi con chung nên vấn đề cấp dưỡng Tòa án không xem xét.

[4] Về tài sản và công nợ chung: Chị M không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa không xét.

[5] Về án phí: Chị Trần Thị M phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên đây:

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 4 Điều 147; khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56, các Điều 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Xử cho chị Trần Thị M được ly hôn với anh Cao Thái S.

2. Về con chung: Giao cháu Cao Thanh H, sinh ngày 12/01/2016 cho chị Trần Thị M tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu Cao Thanh H đủ 18 tuổi. Anh Cao Thái S không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng với chị M.

Cha mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo

dục con; cha mẹ không trực tiếp nuôi con không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về án phí: chị Trần Thị M phải nộp 300.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị M đã nộp tại Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 3 - Ninh Bình theo biên lai số 0002621, ngày 17/7/2025.

Người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm nguyên đơn, có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao Bản án hoặc Bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- Tòa án tỉnh Ninh Bình;
- VKSND Khu vực 3- Ninh Bình;
- Cục Thi hành án dân sự tỉnh Ninh Bình;
- UBND xã Gia Tường;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, Vp.

**TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Đinh Xuân Tường